TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 26-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ

2. Ông Nguyễn Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: Số X, Ấp Y, xã LT, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Số Z, Ấp Y, xã LT, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông A, bà H đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày: Vào ngày 14/6/2019, bà Nguyễn Thị H có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn là 24 tháng, tức ngày 14/6/2021 hết hạn trả nợ, thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng; việc vay tiền có lập thành văn bản là "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019, có chữ ký và viết rõ họ tên Nguyễn Thị H. Vì đã hết thời hạn trả nợ theo "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019 nhưng bà H chưa trả cho ông khoản tiền nào nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả lại cho ông số tiền nợ vay 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019 do bà viết, chữ ký và ghi rõ họ tên vào mục ***"Người mượn tiền"*** là chữ ký và chữ viết của bà. Thực tế ban đầu bà vay của ông A 10.000.000 đồng, mỗi tháng phải trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả lãi được một thời gian thì không còn khả năng trả nữa, ông A cộng dồn tiền gốc và tiền lãi chưa đóng lại rồi tiếp tục tính lãi trên số tiền cộng dồn gốc và lãi, cứ lãi cũ tính lãi mới. Đến khi số tiền nợ lên đến 40.000.000 đồng thì bà giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà trên đất cho ông A để thế chấp và không đưa khoản tiền nào cho ông A cho đến nay. Sau đó, ông A tính tiền lãi cộng dồn lên đến 150.000.000 đồng, yêu cầu bà trả số tiền này để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 14/6/2019, bà có đưa cho ông A số tiền 100.000.000 đồng, ông A trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và buộc bà viết "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019 có mượn số tiền 50.000.000 đồng. Nay ông A khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 50.000.000 đồng, bà cũng đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông A nhưng bà không xác định thời gian và phương thức trả nợ vì bà còn phải trả các khoản nợ của chủ nợ khác.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền nợ vay theo "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã LT, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận của Công an xã LT, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng, thấy rằng: Ông A đã cung cấp "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019 có chữ ký và chữ viết ghi rõ họ tên Nguyễn Thị H, việc vay tiền không thỏa thuận lãi suất, có thời hạn là 24 tháng, tức là ngày 14/6/2021 là đến hạn trả nợ, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận "Giấy mượn tiền" ngày 14/6/2019 là do chính bà viết, ký tên và ghi rõ họ tên vào mục ***"Người mượn tiền"***. Bà H trình bày số tiền 50.000.000 đồng này là tiền lãi phát sinh từ khoản vay ban đầu là 10.000.000 đồng, do ông A cộng dồn tiền lãi, lãi chồng lãi lên đến số tiền 150.000.000 đồng, bà đã trả được 100.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, cũng không trình bày được thời điểm vay tiền ban đầu, thời gian trả lãi cũng như số tiền lãi đã trả cho ông A nên Hội đồng xét xử không thể

xem xét theo lời trình bày của bà H. Mặt khác, tại phiên tòa, bà H trình bày bà cũng đồng ý trả cho ông A số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà không xác định được thời gian và phương thức trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị H có vay của ông Nguyễn Văn A số tiền 50.000.000 đồng. Bà H thừa nhận bà không trả mỗi tháng 2.000.000 đồng theo thỏa thuận trong "Giấy mượn tiền" và từ ngày 14/6/2021 đến nay bà cũng không trả cho ông A khoản tiền nào. Vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay nên Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông A; ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn A số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Ông Nguyễn Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Hoàng Dung